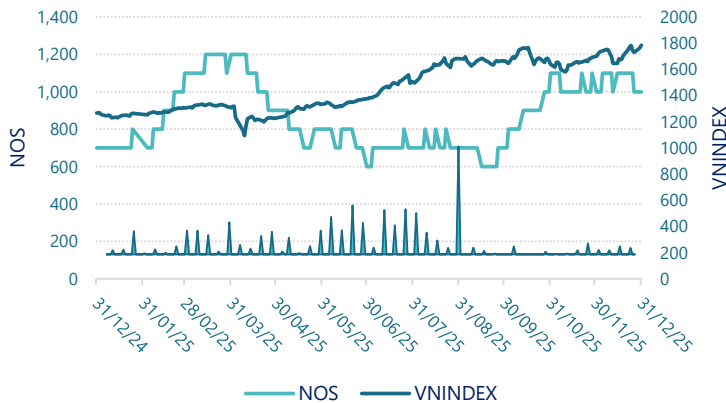




CTCP Vận tải Biển và Thương mại Phương Đông (UPCOM: NOS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	600
SL cổ phiếu LH	19,525,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,405
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	20
P/E	-0.1
EPS	-10,516

DT thuần

Q4/25

17.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.20| -29.2%

YoY: ▼9.30| -34.7%

LN sau thuế

Q4/25

-49.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼58.8| -600%

YoY: ▼1.00| -2.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-135%

+/- YoY: ▼ 5.7%

DT thuần

2025

98.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼67.5| -40.8%

LN sau thuế

2025

-205

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 84.0| 29.0%

ROE

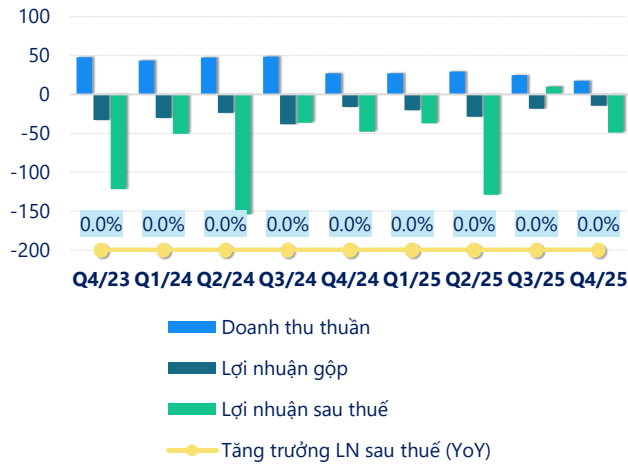
2025

3.9%

+/- YoY: ▼ 1.9%

tỷ VNĐ

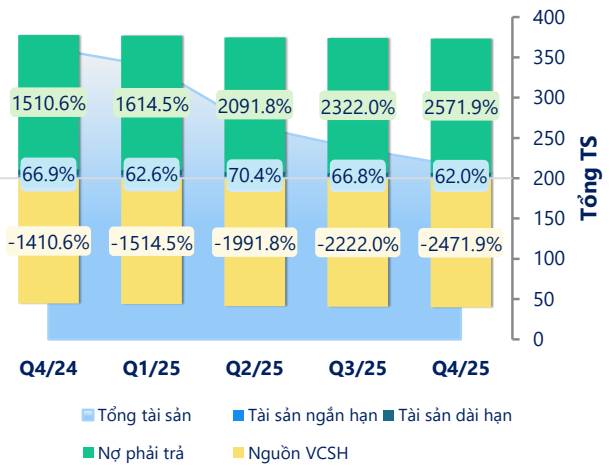
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

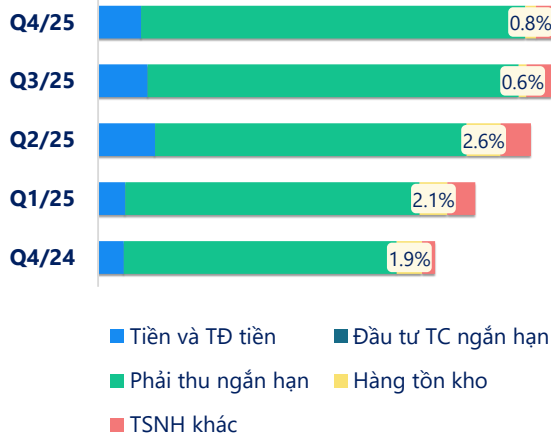
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



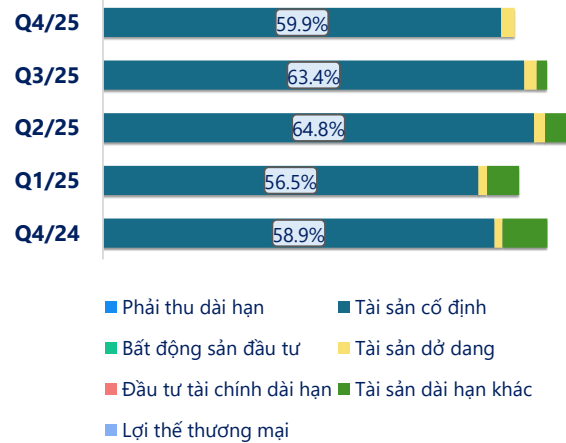
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

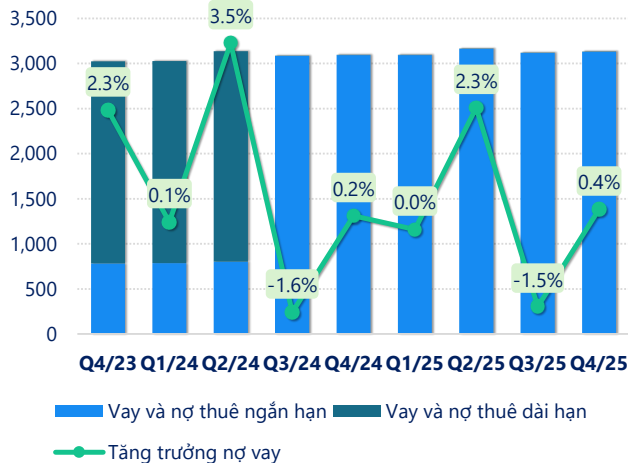
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

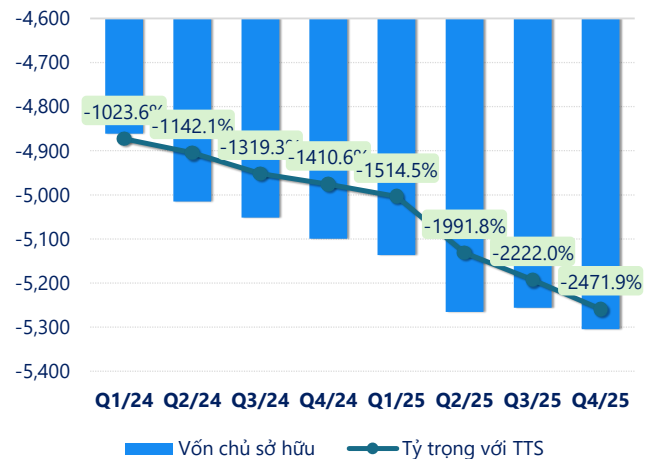
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

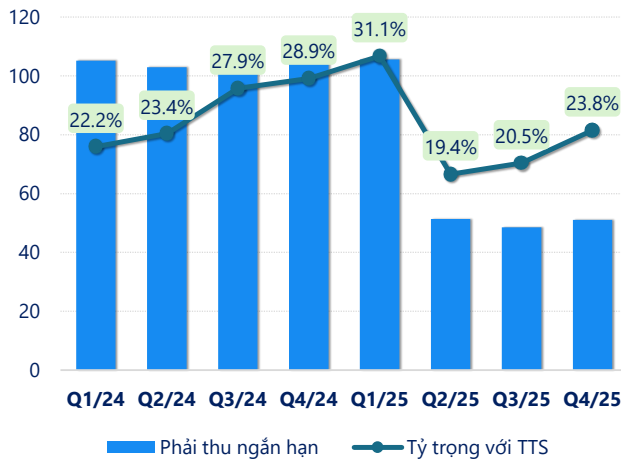
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



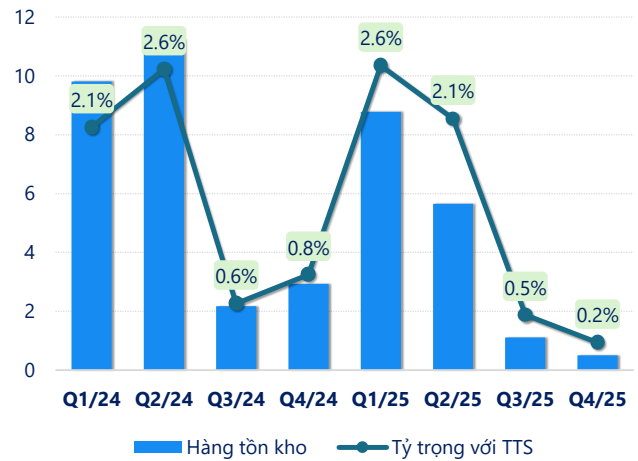
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


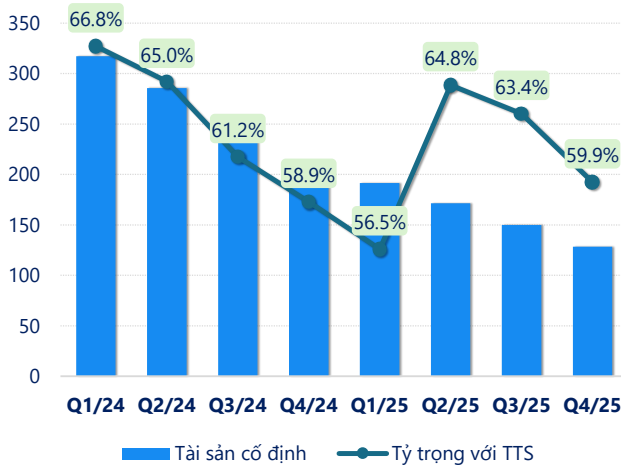
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


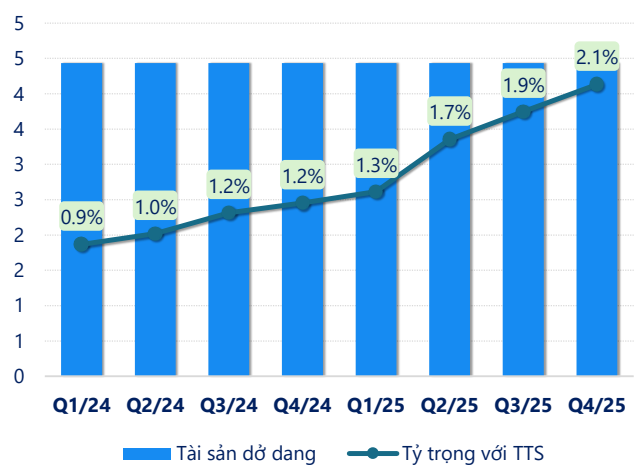
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

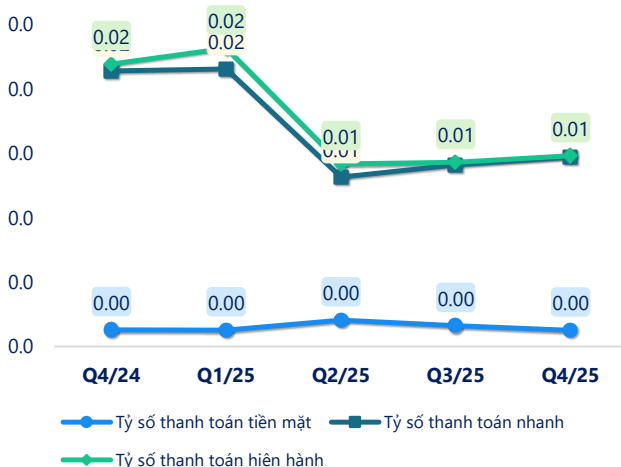
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

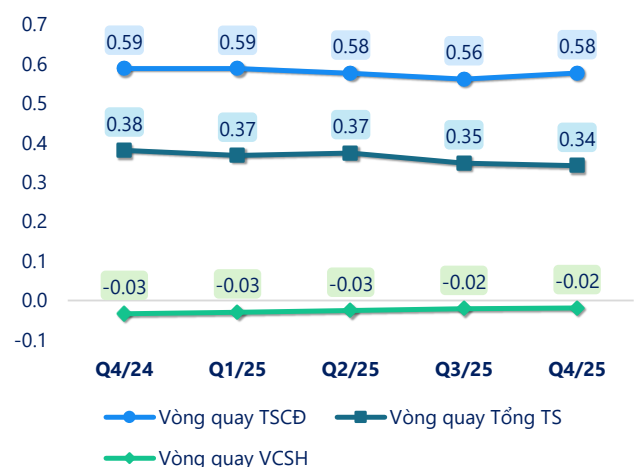
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	362	339	264	237	215
Tài sản ngắn hạn	120	127	78.4	78.5	81.6
Tiền và tương đương tiền	7.01	6.95	11.3	8.84	6.92
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	12.0	17.0
Phải thu ngắn hạn	105	106	51.3	48.5	51.0
Hàng tồn kho	2.93	8.78	5.65	1.11	0.50
Tài sản ngắn hạn khác	5.29	5.39	10.1	7.98	6.19
Tài sản dài hạn	242	212	186	158	133
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	213	192	171	150	129
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.43	4.43	4.43	4.43	4.43
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	24.4	16.5	10.1	3.72	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,461	5,476	5,530	5,492	5,519
Nợ ngắn hạn	5,460	5,475	5,528	5,491	5,518
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,093	3,092	3,163	3,117	3,128
Phải trả người bán ngắn hạn	170	174	165	159	159
Nợ dài hạn	1.46	1.46	1.58	1.62	1.63
Vay và nợ thuê dài hạn	1.03	1.03	1.03	1.03	1.03
Nguồn vốn chủ sở hữu	-5,100	-5,137	-5,266	-5,256	-5,305
Vốn chủ sở hữu	-5,100	-5,137	-5,266	-5,256	-5,305
Vốn điều lệ	201	201	201	201	201
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)